

Bản án số: 1321/2026/DS-ST
Ngày: 10/6/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.
- Bà Nguyễn Thị Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phương Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số B đường T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2026/QĐST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty L (Theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G (Theo giấy ủy quyền ngày 17/4/2025 về việc Công ty L ủy quyền lại cho bà Nguyễn Phước Quỳnh G). (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng H1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2025 và bản tự khai ngày 10/6/2026 nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Ngày 07/11/2023, Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 5043573 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Phạm Thị Hồng H1 với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng. Trong đó bao gồm khoản vay 30.000.000 đồng phí bảo hiểm 2.310.000 đồng, giải ngân ngày 07/11/2023, mức lãi suất: 42%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Phạm Thị Hồng H1. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Phạm Thị Hồng H1 có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 30 tháng kể từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/5/2026.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, bà Phạm Thị Hồng H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.879.000 đồng. Trong đó bao gồm số tiền nợ gốc là 11.233.306 đồng; Lãi trong hạn là 19.561.694 đồng; Phí là 84.000 đồng, từ ngày 29/6/2025 bà Phạm Thị Hồng H1 đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Phạm Thị Hồng H1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà Phạm Thị Hồng H1 biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Phạm Thị Hồng H1 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì bà Phạm Thị Hồng H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty T.

Tính đến ngày 10/6/2026, bà Phạm Thị Hồng H1 còn nợ Công ty T tổng số tiền là 32.637.807 đồng. Trong đó bao gồm

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 21.076.694 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là: 4.221.562 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả là: 7.339.551 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 335.742 đồng.

Ngoài ra, bà Phạm Thị Hồng H1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/6/2026 cho đến khi bà H1 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn bà Phạm Thị Hồng H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và đề hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Phạm Thị Hồng H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, đủ điều kiện mở phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Hồng H1 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số A B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty T là tổ chức tín dụng nước ngoài khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Hồng H1 thanh toán số tiền đã vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 5043573 ngày 07/11/2023, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5043573 ngày 07/11/2023 và báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng, nhận thấy cho đến ngày 29/6/2025, bà Phạm Thị Hồng H1 đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng. Hình thức đảm bảo: Tín chấp. Lãi vay: được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay ban hành tại từng thời điểm. Về phía bị đơn bà Phạm Thị Hồng H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng (nếu có). Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn Công ty T cung cấp và do Tòa án thu thập được, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với tiền nợ gốc là 21.076.694 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu về tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả: Số tiền nợ lãi theo bảng sao kê của nguyên đơn nộp cho Tòa án tính đến ngày 10/6/2026 bao gồm: Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 4.221.562 đồng; số tiền lãi quá hạn chậm trả là 7.339.551 đồng. Tổng số tiền lãi là 11.561.113 đồng. Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị Hồng H1 có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là 21.076.694 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/6/2026 là 11.561.113 đồng.

[4.4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 30/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng H1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là 1.631.890 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3, Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Bà Phạm Thị Hồng H1 phải thanh toán cho Công ty T số tiền tính đến ngày 10/6/2026 là 32.637.807 đồng (*Ba mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ bảy đồng*), trong đó bao gồm nợ gốc là 21.076.694 đồng (*Hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng*), tổng nợ lãi tính đến ngày 10/6/2026 là 11.561.113 đồng (*Mười một triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, một trăm mười ba đồng*).

Ngoài ra, kể từ ngày 11/6/2026 bà Phạm Thị Hồng H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nếu bà không thanh toán đủ cho Công ty T cho đến khi bà H1 thi hành xong nghĩa vụ thanh toán.

Thi hành ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng H1 phải chịu là 1.631.890 đồng (*Một triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

Hoàn lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 638.138 đồng (*Sáu trăm ba mươi tám nghìn, một trăm ba mươi tám đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0054199 ngày 26/12/2025 của Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hiếu Thuận